TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH , TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Dung – Thẩm phán sơ cấp, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga và ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà H Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 375/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình - Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Dương Thị C, sinh năm: 1962

HKTT và Nơi cư trú: SN 10, tổ 12, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

- Bị đơn: ông Đặng Đình K, sinh năm: 1960

HKTT: SN 10, tổ 12, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Nơi cư trú: SN 330, đường H, tổ 17, phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn – bà Dương Thị C trình bày:

Bà Dương Thị C và ông Đặng Đình K kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là TP Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện và có cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Chương Mỹ, Hà Tây (nay là TP Hà Nội) đến năm 1990 thì chuyển lên Hòa Bình sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông K luôn đánh đập, chửi rủa, hành hạ thể xác và tinh thần bà C. Năm 2014 ông K chuyển đi sinh sống với người phụ nữ khác, nhưng thỉnh thoảng vẫn về đánh chửi bà C. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà C đã chịu đựng nhiều năm, vợ chồng đã ly thân mà ông K vẫn về đập phá nhà cửa, gây bất an cho cuộc sống của vợ con. Vì vậy bà C kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con trai là Đặng Đình H, sinh ngày 19/8/1982 và Đặng Đình N, sinh ngày 01/01/1994, hiện đều đã thành niên.

Về tài sản chung: có 01 nhà xây cấp IV trên diện tích 59,40 m^2 tại tổ 12 phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 062361, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01460 QSDĐ/TT do UBND thành phố Hòa Bình cấp ngày 16/11/2004 mang tên hộ ông Đặng Đình K và 01 lô đất có diện tích 50 m^2 ông K đã bán. Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà C có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản chung, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà C yêu cầu Tòa án chia tài sản, giao tài sản là nhà đất cho bà C và các con.

Về nợ chung: bà C trình bày không nợ cá nhân tổ chức nào.

2. Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đặng Đình K, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông K đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân TP Hòa Bình: Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Hòa Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo điểm (a) khoản 1 Điều 35, điểm (a) khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các bên đương sự. Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tiếp cho ông Đặng Đình K. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và các phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt, căn cứ Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải đồng thời đã thông báo cho bị đơn về kết quả phiên họp theo luật định. Ngày 25/6/2020 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, do ông K vắng mặt nên HĐXX hoãn phiên tòa. Ngày 10/7/2020 Tòa án mở phiên tòa lần 2, Bị đơn ông K vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật TTDS.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị C C và ông Đặng Đình K tự nguyện kết hôn được Uỷ ban nhân dân UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là TP Hà Nội) cấp giấy chứng kết hôn số 09 quyển 03 ngày 18 tháng 5 năm 1982, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông K luôn đánh đập, chửi rủa, hành hạ thể xác và tinh thần bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án ông K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi cũng như quan điểm về việc bà C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn. Qua xác minh tại địa phương đã cung cấp các nội dung: quá trình vợ chồng bà C ông K sinh sống tại địa phương thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xô xát lẫn nhau. Vài năm trở lại đây ông K không thường xuyên sống cùng

gia đình nhưng thỉnh thoảng về gây gổ với vợ con hàng xóm. Thời điểm gần đây ông K 02 lần say rượu về gây rối trật tự đã bị Công an phường răn đe giáo dục và xử phạt hành chính. Sự việc bà C bị ông K bạo lực cách đây nhiều năm đã được chương trình truyền hình VTV1 làm phóng sự đưa tin. Như vậy lời trình bày của bà C là đúng thực tế, có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông K bà C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Về con chung:

Bà C và ông K có 02 con trai là Đặng Đình H, sinh ngày 19/8/1982 và Đặng Đình N, sinh ngày 01/01/1994, hiện đều đã thành niên.

2.3. Về tài sản chung:

Bà C và ông K có 01 nhà xây cấp IV trên diện tích 59,40 m^2 tại tổ 12 phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 062361, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01460 QSDĐ/TT do UBND thành phố Hòa Bình cấp ngày 16/11/2004 mang tên hộ ông Đặng Đình K và 01 lô đất có diện tích 50 m^2 tại tổ 12 phường T, thành phố Hòa Bình, lô đất này ông K đã bán. Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa bà C yêu cầu Tòa án chia tài sản. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu chia tài sản chung của bà C tại phiên tòa vượt quá phạm vi khởi kiện do vậy HĐXX không xem xét trong vụ án này. Bà C có quyền yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn trong vụ án khác.

2.4. Về nợ chung: không nợ cá nhân tổ chức nào.

[3] Về án phí: bà C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm (a) khoản 1 Điều 39; Điều 96, 147, 227, 244, 271, 273 Bộ luật TTDS;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình ; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; bà Dương Thị C được ly hôn ông Đặng Đình K.

2. Về con chung: có 02 con trai là Đặng Đình H, sinh ngày 19/8/1982 và Đặng Đình N, sinh ngày 01/01/1994, hiện đều đã thành niên.

3. Về tài sản chung: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không nợ cá nhân tổ chức nào.

5. Về án phí: bà Dương Thị C phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006565 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hòa Bình.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Cũng trong thời hạn trên Bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- UBND xã Hợp Đồng,
huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Dung